

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Minh Thông;

Bà Trần Thị Quý.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà N.T.B, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn TB, huyện BTU, tỉnh BD.

*- Bị đơn:* Ông Đ.M.T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn TB, huyện BTU, tỉnh BD.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N.T.B trình bày:* Bà B và ông Đ.M.T tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005; có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền số 01/2006 ngày 23/6/2006. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà của gia đình ông T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì khoảng năm 2008 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông T không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 05/2021, bà B và ông T ly thân, bà B chuyển

về nhà ba mẹ ruột để sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà B và ông T có hai con chung tên Đ.M.Tri, sinh ngày 14/11/2006 và Đ.M.Trư, sinh ngày 10/10/2008. Bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Đ.M.Trư; ông Đ.M.T trực tiếp, nuôi dưỡng con chung tên Đ.M.Tri. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 17/02/2022, ông T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn với bà B; Về con chung: Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung tên Đ.M.Tri sinh ngày 14/11/2006 và Đ.M.Trư, sinh ngày 10/10/2008, không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà B yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cư trú tại khu phố A, tt. TB, huyện BTU, tỉnh BD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB (nay là thị trấn TB), huyện BTU, tỉnh BD theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền số 01/2006 ngày 23/6/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân của bà B và ông T: Bà B xin ly hôn với ông T vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021. Ông T đồng ý ly hôn với bà B và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét đây là sự tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà B và ông T có hai con chung tên Đ.M.Tri sinh ngày 14/11/2006 và Đ.M.Tru sinh ngày 10/10/2008. Bản tự khai ngày 17/02/2022 của 02 cháu thể hiện, cháu Triết có nguyện vọng được sống cùng bà B, cháu Trúc có nguyện vọng được sống cùng ông T. Bản tự khai ngày 17/02/2022, bà B đề nghị được nuôi cháu Triết và giao cháu Trúc cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T đề nghị được nuôi 2 con và không yêu cầu bà B cấp dưỡng. Xét thấy, nuôi con không những là nghĩa vụ mà còn là quyền lợi của cha mẹ. Bà B không thuộc các trường hợp bị hạn chế quyền nuôi con, cháu Triết cũng có nguyện vọng được sống chung với bà B. Do đó, cần giao cháu Triết cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trúc cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của ông T về việc đề nghị được nuôi 02 con là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Bà N.T.B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.B đối với ông Đ.M.T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N.T.B được ly hôn với ông Đ.M.T.

- Về con chung: Giao cháu Đ.M.Tru, sinh ngày 10/10/2008 cho ông Đ.M.T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Đ.M.Tri sinh ngày 14/11/2006 cho bà N.T.B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N.T.B và ông Đ.M.T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực

tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N.T.B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009818 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Bình, h.Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Huệ**